

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC CHÀO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số /TB-BVĐKĐN ngày tháng 09 năm 2026 của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Mã số	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất (thành phần thuốc)	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng
1	BD01	BDG	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Viên	6.516	30.000
2	BD02	BDG	TRELEGY ELLIPTA	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều	Hộp	948.780	300
3	BD03	BDG	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	22.130	50.000
4	BD04	BDG	Ibrance 75mg Cap 1x7's	Palbociclib 75mg	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	569.100	1.260
5	BD05	BDG	Keppra Tab 500mg 60's	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16.918	12.000
6	BD06	BDG	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/ Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ổng	13.834	2.500
7	BD07	BDG	Duspatalin Retard 200mg Capsules 3x10's	Mebeverine hydrochloride	200mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Viên	5.870	28.800
8	BD08	BDG	Harnal Ocas 0.4mg Tab 3x10's	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Viên	14.700	7.000
9	BD09	BDG	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Viên	983	4.800
10	BD10	BDG	Lantus solostar	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút	257.145	800
11	BD11	BDG	Ibrance 100mg Cap 1x7's	Palbociclib	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	602.700	1.008
12	BD12	BDG	Ibrance 125mg Cap 1x7's	Palbociclib	125mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	659.400	2.520
13	BD13	BDG	Ketosteril Tab 100's	Acid (RS)-3- methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0mg; Acid 4-methyl-2- oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0mg; Acid 2- oxo-3- phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0mg; Acid 3-methyl-2- oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0mg; Acid (RS)- 2-hydroxy-4-methylthiobutyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0mg; L- lysin acetat 105,0mg (tương đương với 75mg L-lysin); L-threonin 53,0mg; L- tryptophan 23,0mg; L-histidin 38,0mg; L- tyrosin 30,0mg	Acid (RS)-3- methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0mg; Acid 4-methyl-2- oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0mg; Acid 2- oxo-3- phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0mg; Acid 3-methyl-2- oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0mg; Acid (RS)- 2-hydroxy-4-methylthiobutyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0mg; L-lysin acetat 105,0mg (tương đương với 75mg L-lysin); L-threonin 53,0mg; L-tryptophan 23,0mg; L-histidin 38,0mg; L-tyrosin 30,0mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	14.200	36.000
14	BD14	BDG	Lynparza	Olaparib	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.171.800	800

STT	Mã số	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất (thành phần thuốc)	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng
15	BD15	BDG	Exforge 5mg/80mg 2x14	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg Amlodipine, 80mg Valsartan	Uống	Viên nén bao phim	Viên	9.987	78.000
16	BD16	BDG	Tavanic	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46 mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	36.550	3.000
17	BD17	BDG	Avodart Cap 0.5mg 3x10's	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	17.257	7.000
18	BD18	BDG	Diamicon MR Tab 30mg 60's	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	2.682	12.000
19	BD19	BDG	Remeron 30	Mirtazapin	30mg	uống	viên nén bao phim	Viên	17.626	6.000
20	BD20	BDG	CONCOR COR TAB 2.5MG 3x10'S	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.147	24.000
21	BD21	BDG	Forxiga Tab 10mg 2x14's	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	19.000	30.000
22	BD22	BDG	Elthon 50mg Tablets 2x10's	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4.796	72.000
23	BD23	BDG	AUGMENTIN TABLET 1G 2x7'S	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	16.680	80.000
24	BD24	BDG	Medrol	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên nén	Viên	3.672	12.000
25	BD25	BDG	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt	105.000	100
26	BD26	BDG	Tagrisso	Osimertinib (tương ứng 95,4mg Osimertinib mesylat)	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.748.270	2.100
27	BD27	BDG	Femara	Letrozole	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	68.306	500
28	BD28	BDG	Fosmicin tablets 500	Fosfomycin calcium hydrate	500mg (potency)	Uống	Viên nén	Viên	21.900	10.000
29	BD29	BDG	Meiact 200mg	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	29.800	1.200
30	BD30	BDG	Ebastel 10 mg	Ebastine	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15.000	9.600
31	BD31	BDG	Ebastel 20 mg	Ebastine	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	25.200	7.200
32	BD32	BDG	Cebrex	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35-67:1)	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4.198	12.000
33	BD33	BDG	Cebrex S	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35 - 67:1) [được tiêu chuẩn hoá để đạt ginkgo flavon glycosid 19,2mg và terpen lacton (ginkgolid, bilobalid) 4,8mg] Dung môi chiết xuất: Aceton 60% (kl/kl)	80 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8.400	12.000
34	BD34	BDG	Symbicort Rapihaler	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	434.000	60
35	BD35	BDG	MIACALCI C 50IU/ML 1 MLx5'S	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	101.052	1.200